

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, Điểm b Khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: Khoản 1 điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 314/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Quyết T – Sinh năm 1969

- Bà Nguyễn Thị Thu B – Sinh năm 1973

Cùng HKTT và nơi ở hiện tại: T4 – 1012B Times City, số D M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu là ông Phạm Quyết T và bà Nguyễn Thị Thu B đều có HKTT và cư trú tại: T – 1012B Times City, số D M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội nên theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 35, điểm h khoản 2 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng có thẩm quyền giải quyết vụ việc.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Ông Phạm Quyết T và bà Nguyễn Thị Thu B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 02/12/2003 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 159,

quyển số 01-2003. Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà B là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà về chung sống tại: phòng D nhà X, tập thể T, phố N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Đến năm 2013, ông bà chuyển về sinh sống tại địa chỉ: T, phòng A T, số D M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, thời gian đầu ông T và bà B chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không phù hợp về tính cách, quan điểm và lối sống dẫn đến vợ chồng thường nảy sinh những bất đồng và căng thẳng. Ông bà xác nhận cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải để cùng chung sống nhưng không thể hàn gắn được. Nay anh chị xác nhận không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Quá trình giải quyết yêu cầu của ông Phạm Quyết T và bà Nguyễn Thị Thu B, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con, giữa các thành viên khác trong gia đình, về trách nhiệm cấp dưỡng và các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân gia đình. Tuy nhiên, ông bà vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Phạm Quyết T và bà Nguyễn Thị Thu B có 02 (hai) con chung là cháu Phạm Đại T1, giới tính: N, sinh năm 2004 và cháu Phạm Thị Hoàng O, giới tính: Nữ, sinh năm 2008. Sức khỏe các cháu bình thường.

Sau khi ly hôn, ông Phạm Quyết T và bà Nguyễn Thị Thu B thỏa thuận bà Nguyễn Thị Thu B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phạm Thị Hoàng O cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có yêu cầu khác của các bên.

Đối với con chung là cháu Phạm Đại T1 (sinh năm 2004): Do con đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi nên không yêu cầu tòa án giải quyết về việc giao nuôi con và cấp dưỡng nên Tòa án không xét.

Về cấp dưỡng nuôi con, ông Phạm Quyết T và bà Nguyễn Thị Thu B sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở chung (bao gồm động sản và bất động sản): ông Phạm Quyết T và bà Nguyễn Thị Thu B sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông Phạm Quyết T và bà Nguyễn Thị T2 Ba không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Yêu cầu thuận tình ly hôn và thỏa thuận của ông Phạm Quyết T và bà Nguyễn Thị Thu B tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành

lập ngày 19/5/2025 là hoàn toàn tự nguyện, bảo đảm quyền lợi chính đáng của các bên và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Quyết T và bà Nguyễn Thị Thu Ba C xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số số 159, quyển số 01-2003 ngày 02/12/2003 do Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Hà Nội cấp cho ông Phạm Quyết T và bà Nguyễn Thị T2 Ba không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: cháu Phạm Đại T1, giới tính: N, sinh năm 2004 và cháu Phạm Thị Hoàng O, giới tính: Nữ, sinh 19/9/2008. Sức khỏe các cháu bình thường.

Sau khi ly hôn, ông Phạm Quyết T và bà Nguyễn Thị Thu B thỏa thuận chị Nguyễn Thị Thu B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phạm Thị Hoàng O cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có yêu cầu khác của các bên. Ông Phạm Quyết T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với con chung là cháu Phạm Đại T1 (sinh năm 2004): Do con đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi nên không yêu cầu tòa án giải quyết về việc giao nuôi con và cấp dưỡng nên Tòa án không xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Phạm Quyết T và bà Nguyễn Thị Thu B sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản): Ông Phạm Quyết T và bà Nguyễn Thị Thu B tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên ông Phạm Quyết T và bà Nguyễn Thị T2 Ba không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Phạm Quyết T và bà Nguyễn Thị Thu B thỏa thuận ông Phạm Quyết T là người chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền lệ phí đã nộp theo biên lai số 0024991 ngày 15/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Người yêu cầu;
 - VKSND Q. Hai Bà Trưng;
 - Chi cục THADS Q. Hai Bà Trưng;
 - Lưu hồ sơ vụ án;
 - UBND Tương Mai, quận Hoàng Mai,
Hà Nội
- (Giấy chứng nhận số 159, quyền số 01-
2003 ngày 02/12/2003)

THẨM PHÁN

Dương Thị Huệ